

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

+ Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2018/TLST-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thanh V, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Phan Thanh V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hòa giải hàn gắn được, tình cảm không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ con chung: Có 01 người con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 02/9/2004. Khi ly hôn, anh đồng ý giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 và quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phan Thanh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2014 mâu thuẫn phát sinh do anh Phan Thanh V có biểu hiện quan hệ ngoại tình, cờ bạc, mặc dù nhiều lần chị đã khuyên nhủ nhưng anh Phan Thanh V không sửa sai dẫn đến vợ chồng phải ly thân từ năm 2014. Chị đồng ý ly hôn với anh Phan Thanh V.

Về quan hệ con chung: Có 01 người con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 02/9/2004. Khi ly hôn, chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Phan Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, anh Phan Thanh V cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản khai của nguyên đơn ngày 23/02/2018; Giấy khai sinh của con chung; Giấy chứng minh nhân dân của Phan Thanh V; sổ hộ khẩu thường trú của Phan Thanh V; Đơn xác nhận về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng hôn nhân. Chị Nguyễn Thị T giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Lời khai ngày 23/3/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thuận ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu năm 2014. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Xét thấy, quan hệ sống chung như vợ chồng giữa anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T xác lập từ năm 2003, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10 nhưng anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy quan hệ sống chung của hai bên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ con chung: Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 02/9/2004. Quá trình tố tụng, anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Phan Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, anh Phan Thanh V phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phan Thị N, sinh ngày 02/9/2004 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh Phan Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phan Thanh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Thanh V phải chịu 300.000đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0001359 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy anh V nộp xong án phí.

5. Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TXCL;
- THADS TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Lê Huy